

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **158/2024/HS-PT**

Ngày: 29/8/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Linh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Trâm Anh

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nghĩa Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Trần Bá N, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2024/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Bá N**, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1991 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Thái Thị V; có vợ là Danh Thị Trúc L (đã ly hôn) và 01 người con, sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại có kháng cáo: Ông **Lê Trọng N1**, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

- Người bào chữa cho bị cáo N: Luật sư **Trần Việt Q** - Văn phòng Luật sư Trần Hoàng H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 13/9/2023, ông Lê Trọng N1 đi qua nhà bà Thái Thị V ở cạnh ranh đất, để nói chuyện về việc bà V bơm nước trong ruộng ra mương làm ngập mạ của ông gieo trên sân trước nhà ông. Trong lúc nói chuyện, giữa ông N1 và bà V xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chửi nhau, thấy vậy con

bà Vtên Trần Thị K gọi điện thoại cho Trần Bá N là em ruột của Knói “ông N1chửi mẹ quá trời mây về coi”, lúc này N đang uống rượu cùng với bạn, khi nghe Knói vậy N chạy xe về nhà thì thấy ông N1đang đứng chửi trước sân nhà ông, N không nói gì mà chạy vào nhà lấy 01 cây dao dài 28cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi dao bằng, bề rộng lưỡi dao 8,5cm chạy qua nhà ông N1, thấy N cầm dao nên ông N1vào nhà lấy thanh kim loại tròn đường kính 03cm, dài 1,62m chạy ra đánh trúng vào lưng của N một cái, N chụp được thanh kim loại trên tay ông N1, hai người giằng co làm thanh kim loại trên tay ông N1rơi xuống đất, N dùng dao chém trúng vào đùi và mắt cá chân trái của ông N1. Lúc này ông N1và N cùng ngã xuống mương nước, N cầm dao tiếp tục chém trúng vào vùng cổ ông N1một cái, ông N1nắm tóc N đè xuống nước thì được ông Trần Văn Idến can ngăn kéo ông N1lên bờ. Ông N1được người thân đưa đến Trung tâm y tế huyện Acấp cứu rồi chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh K điều trị thương tích. Ngày 14/9/2023, Trần Bá N đến Công an xã ĐB đầu thú về hành vi cố ý gây thương tích.

Ngày 20/9/2023, ông Lê Trọng N1có đơn gửi Cơ quan điều tra Công an huyện Ayêu cầu giám định thương tích và xử lý hình sự đối với Trần Bá N.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 892/KLTTCT-PY ngày 22/11/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K, kết luận:

1. Các kết quả chính: Kết quả khám giám định:

- + Sẹo phần mềm vùng cổ trước, vai trước phải, lưng trái và gối trái.
- + Vết thương vùng mắt cá ngoài chân trái, gãy đầu dưới xương mác trái, rách bao khớp đã được phẫu thuật khâu bao khớp.
- Kết quả cận lâm sàng: Gãy đầu dưới xương mác trái.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Trọng N1tại thời điểm giám định là: 14% (Mười bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở:

- Vùng cổ trước là: 04% (Bốn phần trăm).
- Vùng vai trước phải là: 0,5% (Không phải năm phần trăm);
- Vùng lưng trái là: 02% (Hai phần trăm).
- Vùng gối trái là: 01% (Một phần trăm).

- Vùng mắt cá ngoài chân trái là: 6,9% (Sáu phẩy chín phần trăm).

2.3. Vật gây thương tích: Vật có cạnh sắc.

2.4. Về cơ chế hình thành thương tích:

- Thương tích ở vùng cổ trước, vai trước phải và gò trái do vật có cạnh sắc tác động theo trục ngang, hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu cơ thể.

- Thương tích ở vùng lưng trái do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, từ sau ra trước so với trục giải phẫu cơ thể.

- Thương tích ở vùng mắt cá ngoài chân trái do vật có cạnh sắc tác động theo trục ngang, hướng từ trái sang phải so với trục giải phẫu cơ thể.

Tại bản Kết luận giám định vật gây thương tích số: 893/KLVGTT-PY ngày 22/11/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K, kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Mẫu vật (cây dao) gửi giám định là dạng vật có cạnh sắc.

- Thương tích ở vùng cổ trước, vai trước phải, lưng trái, gò trái và mắt cá ngoài chân trái của Lê Trọng N1 do vật có cạnh sắc gây nên.

2. Kết luận:

Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định gửi đến, xác định:

Mẫu vật (cây dao) gửi giám định có thể gây được thương tích ở vùng cổ trước, vai trước phải, lưng trái, gò trái và mắt cá ngoài chân trái của Lê Trọng N1.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) cây dao có chiều dài 28cm, cán dao bằng nhựa, lưỡi dao bằng kim loại dài 17,5cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 8,5cm và 01 (một) cây kim loại tròn có chiều dài 1,62m, đường kính 03cm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2024/HS-ST, ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b,s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Bá N09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/MQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

Buộc bị cáo Trần Bá Nphải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Lê Trọng N1 tổng cộng 78.419.598đ; khấu trừ số tiền bị cáo đã giao trước cho bị hại nhận

là 20.000.000đ và số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh là 10.000.000đ, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 48.419.598đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/6/2024, bị cáo Trần Bá Nc có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 17/6/2024 bị hại Lê Trọng N1 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo N và tăng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nc có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đồng ý bồi thường cho ông N1 tổng cộng 87.420.000đ, đã bồi thường trực tiếp cho ông N1 nhận 29.000.000đ và nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh ba lần bằng 58.420.000đ.

- Bị hại N1 có ý kiến giữ nguyên nội dung kháng cáo, cụ thể yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo N; yêu cầu buộc bị cáo N phải bồi thường tổng cộng 87.419.598đ, trước khi xử sơ thẩm bị cáo N đã bồi thường 20.000.000đ và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay có nhận thêm của bị cáo N 9.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N; chấp nhận kháng cáo của bị hại N1, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo N tù từ 12 đến 24 tháng tù.

- Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú, nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo; bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Ngày 13/9/2023, xuất phát từ việc giữa ông Lê Trọng N1 và bà Thái Thị Vĩnh của Trần Bá Nc cãi, chửi nhau, Trần Bá N dùng cây dao bằng kim loại chém vào người ông N1 nhiều nhát gây thương tích, theo kết luận giám định

14%.Do đó cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo N về tội cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo N:

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì bất đồng không đáng giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại trong việc sử dụng đất liền kề mà bị cáo lại hung hăng dùng dao là hung khí nguy hiểm chém vào người bị hại nhiều nhất gây thương tích 14%. Qua đó cho thấy bị cáo có tính hung hăng, xem thường sức khỏe người khác, bất chấp kỷ cương pháp luật. Hành vi của bị cáo phạm vào khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 2 đến 6 năm tù. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 09 tháng tù là đã xem xét chiếu cố cho bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng. Với tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo như trên, việc cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp, không đạt được mục đích đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay. Do đó kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại N1:

[4.1] Về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội do không kiềm chế được bản thân khi thấy giữa bị hại và mẹ bị cáo chửi xúc phạm nhau; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại; có người thân là người có công với cách mạng. Do đó việc xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng. Vì vậy, hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4.2] Về yêu cầu tăng số tiền bồi thường thiệt hại:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N1 yêu cầu buộc bị cáo N phải bồi thường tổng cộng 87.419.598đ, bị cáo N chỉ đồng ý bồi thường 78.419.598đ, bản án sơ thẩm quyết định buộc bị cáo N bồi thường cho ông N1 78.419.598đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường tổng cộng 87.419.598đ, bị cáo N đồng ý bồi thường cho ông N1 tổng cộng 87.420.000đ, đồng thời đã bồi thường đủ số tiền này, cụ thể trước khi xét xử sơ thẩm đã bồi thường trực tiếp cho ông N1 20.000.000đ; tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh 03 lần bằng 58.420.000đ và tại phiên tòa phúc thẩm đã bồi thường trực tiếp cho ông N1 nhận 9.000.000đ còn lại.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm giữa bị hại và bị cáo đã thỏa thuận phần bồi thường thiệt hại. Thấy rằng đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên và không trái pháp luật nên ghi nhận. Do đó hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông N1, sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận phần bồi thường thiệt hại giữa ông N1 và bị cáo Như nêu trên.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Việc sửa bản án sơ thẩm đối với phần trách nhiệm dân sự là do có tình tiết mới, giữa bị hại và bị cáo tự thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm, chứ cấp sơ thẩm không sai, không có lỗi.

[5] Về án phí, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nphải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Bị hại N1không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Bá N và bị hại Lê Trọng N1 về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo N.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Bá N **09** (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận phần kháng cáo của bị hại Lê Trọng N1, sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo Trần Bá N và bị hại Lê Trọng N1 về việc bị cáo Trần Bá N chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Trọng N1 tổng cộng **87.420.000đ** (Tám mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Ông

N1 đã nhận 29.000.000đ và bị cáo N2 nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang 58.420.000đ (theo các biên lai thu tiền số 0004020 ngày 04/5/2024: 10.000.000đ; số 0004278 ngày 22/8/2024: 48.000.000đ và số 0004281 ngày 29/8/2024: 420.000đ). Ông Lê Trọng N1 liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang để nhận số tiền bị cáo Trần Bá N2 nộp nêu trên.

3. Về án phí, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Trần Bá N2 phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị hại Lê Trọng N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST, ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1); **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);

- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1);

- VKSND tỉnh KG (1);

- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);

- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);

- Bị cáo (1);

- Bị hại (1);

- Người bào chữa (1);

- CQĐT H. An Minh (1);

- VKS H. An Minh (1);

- Tòa án H. An Minh (1); **Võ Văn Linh**

- THHSH. An Minh (1);

- Chi cục THADSH. An Minh (1);

- Tổ hành chính tư pháp (1);

- Lưu hồ sơ (1);

- Lưu tòa hình sự (5).